TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** TỈNH CÀ MAU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST Ngày: 09-4-2018 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Tôn Nám.

Bà Ký Bé Lài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2018, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1990 (có mặt).

Cư trú tại khóm 4, thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Ông Trần Văn K, sinh năm 1986 (có mặt).

Cư trú tại khóm 4, thị trấn V, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 3 năm 2018 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị L trình bày: Vào năm 2000 bà và ông Trần Văn K chung sống với nhau như vợ chồng, đến nay không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm nên thường xuyên tranh cải, xúc phạm lẫn nhau. Bà và ông Trần Văn K không còn sống chung với nhau từ tháng 12-2017. Nay bà yêu cầu ly hôn ông Trần Văn K. Về con chung, có một người tên là Trần Nguyễn Trường V, sinh ngày 18-02-2011, hiện đang do ông Trần Văn K nuôi dưỡng. Bà yêu cầu giao con chung cho ông Trần Văn K tiếp tục nuôi và bà

không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 30-3-2018 và tại phiên tòa, ông Trần Văn K trình bày: Về thời gian sống chung với bà Nguyễn Thị L và không đăng ký kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng và thời gian không còn sống chung đúng như bà Nguyễn Thị L trình bày. Nay bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn thì ông đồng ý. Về con chung, có một người tên là Trần Nguyễn Trường V đúng như bà Nguyễn Thị L đã khai. Ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu bà Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung là không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn ông Trần Văn K là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét về hôn nhân, bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2000 đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K vi phạm quy định về đăng ký kết hôn. Căn cứ vào Điều 9, 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình, hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K không được công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung, có 01 người tên là Trần Nguyễn Trường V, sinh ngày 18-02-2011, hiện đang do ông Trần Văn K nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K thống nhất thỏa thuận giao con chung cho ông Trần Văn K tiếp tục nuôi, bà Nguyễn Thị L không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Đông thời Trần Nguyễn Trường V cũng có nguyện vọng được sống cùng với ông Trần Văn K. Từ đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận về người nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K.

[4] Tài sản chung và nợ chung không có và các bên đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 9, 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Không công nhận bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị L và ông Trần Văn K như sau: Ông Trần Văn K chịu trách nhiệm và tiếp tục nuôi dưỡng 01 người con chung tên là Trần Nguyễn Trường V (giới tính nữ), sinh ngày 18-02-2011. Ông Trần Văn K không yêu cầu bà Nguyễn Thị L cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Nguyễn Thị L phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006933 ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thế Phương